

Số: 272/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tự chủ của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 24/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin thành Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và kiện toàn cơ cấu tổ chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số

295/TTr-STNMT-VP ngày 21/8/2024 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 3776/SNV-TCBC-CCVC ngày 26/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thường xuyên rà soát, báo cáo Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, tham mưu điều chỉnh các nội dung về vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường theo quy định khi có sự thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm Công TTTD tỉnh;
- Lưu: VT, HP, HT. 7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuấn

ĐỀ ÁN

**Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự
và tài chính của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường**
(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND
ngày 17/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG

I. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Khái quát tình hình và đặc điểm của đơn vị

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường được thành lập theo Quyết định số 545/1998/QĐ-UBND ngày 13/3/1998 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trung tâm Thông tin – Lưu trữ Địa chính, được kiện toàn tổ chức theo Quyết định số 07/2005/QĐ-UB ngày 12/01/2005 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/01/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Đến ngày 20/5/2020, Trung tâm được đổi tên và kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Trung tâm công nghệ thông tin thành Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường và kiện toàn cơ cấu tổ chức.

2. Mức độ tự chủ về tài chính, cơ chế hoạt động của đơn vị

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, bảo đảm một phần chi thường xuyên. Công tác sắp xếp, bố trí và phân công nhiệm vụ cho viên chức và người lao động luôn được chú trọng. Kết quả đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ được giao là căn cứ để bố trí, sử

dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại Trung tâm.

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) theo Quyết định số 715/QĐ-STNMT ngày 29/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (thời kỳ ổn định giai đoạn năm 2023-2025).

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;
- Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin thành Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và kiện toàn cơ cấu tổ chức;

- Quyết định số 715/QĐ-STNMT ngày 29/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Phần II

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ

I. TỰ CHỦ VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (được đổi tên theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh về việc đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin thành Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường và kiện toàn cơ cấu tổ chức).

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng kế hoạch công tác hàng năm và trung hạn, quản lý, điều hành việc triển khai thực hiện và báo cáo tình hình kết quả thực hiện theo quy định.

2. Xây dựng kế hoạch công tác

- Đối với nhiệm vụ về dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi việc thực hiện.

- Đối với nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác sử dụng ngân sách nhà nước, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên phê duyệt và quyết định phương thức giao kế hoạch để thực hiện.

II. TỰ CHỦ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Lãnh đạo Trung tâm có: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người đứng đầu, tổ chức lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về mọi hoạt động của Trung tâm.

- Giám đốc Trung tâm thực hiện phân công công tác cho các Phó Giám đốc và các viên chức thuộc đơn vị; thực hiện ủy quyền cho Phó Giám đốc khi đi vắng.

- Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

- Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, viên chức của tỉnh Khánh Hòa.

2. Viên chức và người lao động thuộc Trung tâm: Thực hiện theo Hợp đồng làm việc và Quy chế làm việc của Trung tâm.

III. TỰ CHỦ VỀ NHÂN SỰ

1. Vị trí việc làm của Trung tâm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ khoản 1, Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, Trung tâm xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định.

2. Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nằm trong tổng số lượng người làm việc được giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trung tâm căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực (nếu có) Trung tâm lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm gồm: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trình cơ quan cấp trên trực tiếp thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện; sử dụng, quản lý viên chức theo phân cấp quản lý;

tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật.

IV. TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH

Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trung tâm được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên với mức độ tự chủ từ 10% đến dưới 30% theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

1. Nguồn tài chính gồm:

1.1. Nguồn ngân sách nhà nước:

- Kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

- Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

- Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên thực hiện sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên;

- Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng; kinh phí thực hiện tinh giản biên chế; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo đề án được duyệt;

- Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có).

1.2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp:

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

- Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm;

- Thu từ cho thuê tài sản công: Trung tâm thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

1.3. Nguồn thu phí từ hoạt động thu phí được để lại Trung tâm để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

1.4. Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

1.5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Sử dụng nguồn tài chính

2.1. Chi thường xuyên giao tự chủ

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính theo quy định này, Trung tâm được tự chủ quyết định các nội dung chi như sau:

a) Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương:

- Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), Trung tâm chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, Trung tâm áp dụng chế độ tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương

Khi nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, Trung tâm tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ, tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Ngân sách nhà nước chỉ cấp bổ sung sau khi đơn vị sử dụng hết Quỹ bổ sung thu nhập và nguồn trích lập cải cách tiền lương.

- Chi tiền thưởng: Thực hiện theo chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

b) Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường, khả năng tài chính, Trung tâm được quyết định mức chi cụ thể tương xứng với nhiệm vụ được giao và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

c) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

- Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Trung tâm xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của mình và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Giám đốc Trung tâm phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

d) Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ.

đ) Trích lập các khoản dự phòng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác theo quy định đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định thành lập các quỹ đặc thù để xử lý rủi ro (nếu có).

e) Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

g) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2.2. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Căn cứ nguồn tài chính theo quy định, Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

3.1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), Trung tâm được sử dụng theo thứ tự như sau:

- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 10%;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm:

+ Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ-TW, trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 02 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định.

+ Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ-TW có hiệu lực thi hành: Được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0.3 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị.

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Mức trích tổng hai quỹ tối đa không quá 1.5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của Trung tâm;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

- Phân chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

3.2. Sử dụng các Quỹ: Việc sử dụng các Quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Mức trích cụ thể và quy trình sử dụng các Quỹ quy định tại khoản này do Giám đốc Trung tâm quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với quy định pháp luật liên quan và phải công khai trong Trung tâm.

Trong quá trình tổ chức hoạt động, Trung tâm có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định về Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

4. Giao dịch tài chính và liên doanh, liên kết

4.1. Hoạt động liên doanh, liên kết

- Trung tâm được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trung tâm xây dựng đề án liên doanh, liên kết trình Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới); phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết.

4.2. Nghĩa vụ tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm

- Trung tâm có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

- Trung tâm có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Quản lý, sử dụng tài sản công

5.1. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5.2. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường phải trích khấu hao và tính hao mòn tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

- Đối với tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động, số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số tiền trích khấu hao tài sản cố định còn lại sau khi trả nợ được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm; trường hợp số tiền trích khấu hao tài sản cố định không đủ trả nợ, Trung tâm được dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả nợ.

- Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường là tài sản, vốn của Nhà nước.

5.3. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm căn cứ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định quản lý tài chính tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ để ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Trên đây là Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường./.

